Mẫu số 03

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Vũ Lê

1.2. Địa chỉ: Lầu 1, 1248, đường Phùng Hưng, Ấp 8, Xã An Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh ~~/Xe gắn máy 2 bánh/loại xe khác~~ (1):

1.4. Nhãn hiệu: YAMAHA

1.5. Tên thương mại: XSR

1.6. Mã kiểu loại (Số loại): MTM155

1.7. Số giấy chứng nhận(2): 23KXM/231239

1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 6354/NETC-M/23/C

2. Thông số kỹ thuật của Xe

2.1. Khối lượng bản thân: 134 (kg)

2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 306 (kg)

2.3. Động cơ

2.3.1. Kiểu động cơ: G3S7E. Loại động cơ: Xăng, 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng chất lỏng.

2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 155,09 cm^3.

2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 14,2/10000 kW/rpm

2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí/~~ phun nhiên liệu~~/ khác:~~(1)

2.5. Hộp số

2.5.1. Điều khiển: Cơ khí/~~Tự động~~ (1)

2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: 6

2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: 2,833/1,875/1,364/1,143/0,957/0,840

2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 3,428

2.7. Lốp

2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trục 1: 110/70-17M/C áp suất lốp: 225 kPa

Mẫu số 03

2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trục 2: 140/70-17M/C áp suất lốp: 225 kPa

2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 114 km/h

3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Chu trình thử: TCVN 7357:2010/ ~~TCVN 7358:2010/ TCVN 9726:2013~~/. [1]

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 1,884 l/100 km

4. Mẫu nhãn năng lượng công khai

5. Ghi chú (*nếu có*):

.....

Đồng Nai , ngày 05 tháng 08 năm 2023.

Công ty TNHH Thương Mại &
Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Vũ Lê

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU VŨ LÊ
M.S.D.N: 3603900530 - C.T.T.N.H.H
H. LONG THÀNH - T. ĐỒNG NAI

Ghi chú:

[1] *Gạch ngang phần không áp dụng.*

[2] *Đối với xe sản xuất,lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại*

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm